TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2018/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 01 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2018/TLST - HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị N** -Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Bản P, xã K, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh **Vàng Văn N** -Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Bản P, xã K, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Lò Thị N và bị đơn anh Vàng Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Vàng Văn N thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Lò Thị N và anh Vàng Văn N có 02 con chung là cháu Vàng Thị Diễm H, sinh ngày 04/8/2009 và cháu Vàng Ngọc A, sinh ngày 01/10/2012. Chị Lò Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly

hôn, anh Vàng Văn N được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị N và anh Vàng Văn N tự thỏa thuận về tiền cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn xác nhận không có nợ chung.

* Về nợ thu về: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận, thống nhất: Toàn bộ án phí của vụ án sẽ do nguyên đơn chịu thay cho cả phần án phí của bị đơn. Vậy nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nguyên đơn đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0002095, ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vậy khấu trừ án phí, nguyên đơn được nhận lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ;
- Ủy ban nhân dân xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Hạnh